

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH CÔNG NGHỆ DỆT, MAY
KHOÁ 14

Tên chương trình : Công nghệ dệt, may
Trình độ đào tạo : Đại học (Cử nhân)
Ngành đào tạo : Công nghệ dệt, may
(Textile, Garment Technology)
Mã ngành : 7540204
Hình thức đào tạo : Chính quy

Hải Dương, 2023

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu	Chữ viết đầy đủ
1	CDR	Chuẩn đầu ra
2	CTĐT	Chương trình đào tạo
3	TC	Tín chỉ

MỤC LỤC

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	1
A. GIỚI THIỆU CHUNG	1
I. Thông tin chung về CTĐT	1
II. Tầm nhìn - Sứ mạng - Chính sách chất lượng - Triết lý giáo dục	2
B. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	3
I. Mục tiêu đào tạo.....	3
1.1. Mục tiêu chung	3
1.2. Mục tiêu cụ thể	3
1.2.1. Kiến thức.....	3
1.2.2. Kỹ năng.....	3
1.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm	3
1.2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp.....	4
II. Chuẩn đầu ra	4
2.1. Kiến thức.....	4
2.2. Kỹ năng.....	4
2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm	4
III. Nội dung chương trình đào tạo.....	5
IV. Ma trận tích hợp học phần với chuẩn đầu ra CTĐT.....	8
V. Tiến trình đào tạo	11
VI. Nội dung các học phần.....	12
6.1. Mô tả học phần	12
6.2. Đề cương chi tiết học phần	25

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 339/QĐ-ĐHSD, ngày 31 tháng 7 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sao Đỏ)

A. GIỚI THIỆU CHUNG

I. Thông tin chung về CTĐT

- Tên CTĐT: Công nghệ dệt, may (Textile, Garment Technology)
- Mã ngành đào tạo: 7540204
- Trường cấp bằng: Trường Đại học Sao Đỏ
- Thông tin chứng nhận kiểm định chất lượng: Trường Đại học Sao Đỏ được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục trực thuộc Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam (CEA-AVU&C) công nhận Trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.
- Tên gọi văn bằng: Cử nhân ngành Công nghệ dệt, may
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Số tín chỉ yêu cầu: 146 tín chỉ (không bao gồm học phần điều kiện và học phần tự chọn tùy ý).
- Khoa quản lý: Khoa May và Thời trang
- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Thang điểm đánh giá: Sử dụng thang điểm 10 quy đổi thành thang điểm 4 và điểm chữ.
- Điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo quy chế đào tạo trình độ đại học (phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ, hình thức đào tạo chính quy) và các văn bản hiện hành, được cụ thể hóa theo quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Sao Đỏ.
- Học tập nâng cao trình độ: Sau khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng tự học, tự nghiên cứu, nâng cao trình độ trong quá trình công tác và tiếp tục theo học các CTĐT trình độ cao hơn như: thạc sĩ, tiến sĩ ngành Công nghệ dệt, may.
- Chương trình tham khảo:
 - Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp, Việt Nam (2020), *Chương trình đào tạo Công nghệ dệt, may.*
 - Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam (2020), *Chương trình đào tạo Công nghệ dệt, may.*
 - Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Việt Nam (2021), *Chương trình đào tạo Công nghệ may.*

[4]. Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên, Việt Nam (2021), *Chương trình đào tạo Công nghệ may*.

[5]. Trường Đại học Heriot watt, Scotlen (2020), *Chương trình đào tạo Textiles and Design*.

16. Thời điểm cập nhật: Tháng 8 năm 2022.

II. Tầm nhìn - Sứ mạng - Chính sách chất lượng - Triết lý giáo dục - Giá trị văn hoá cốt lõi

2.1. Tầm nhìn - 2030

Phát triển Nhà trường theo định hướng đại học ứng dụng. Ưu tiên đầu tư trọng tâm, trọng điểm các ngành kỹ thuật truyền thống của Nhà trường thành ngành mũi nhọn. Đẩy mạnh hoạt động: Sáng tạo khoa học kỹ thuật - Nâng cao năng lực thực hành - Ứng dụng chuyển giao công nghệ phù hợp với tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghiệp lần thứ tư.

2.2. Sứ mạng - 2025

Đào tạo gắn với nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ. Học đi đôi với hành, lý thuyết gắn với thực tế, Nhà trường gắn với doanh nghiệp. Sinh viên ra trường có sức khỏe; năng lực và kỹ năng toàn diện; tự tin, sáng tạo; có việc làm thu nhập ổn định và cơ hội thăng tiến.

2.3. Chính sách đảm bảo chất lượng giai đoạn 2021-2025

2.3.1. Thực hiện thành công sứ mạng của Nhà trường trên nền tảng: sinh viên tốt nghiệp ra trường có việc làm phù hợp với chuyên môn được đào tạo, thu nhập ổn định ở từng vị trí làm việc, có khả năng phát triển bản thân.

2.3.2. Tiếp tục bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, tác phong; phát huy tính tích cực, trách nhiệm của từng cá nhân, đơn vị với mục tiêu: “hướng tới người học, vì người học”. Đổi mới mạnh mẽ phương pháp giảng dạy theo quan điểm: “lấy kiến thức cơ bản làm nền tảng, kiến thức mở rộng là cần thiết, kiến thức ứng dụng là quan trọng” đáp ứng chuẩn đầu ra.

2.3.3. Xây dựng đề án mở ngành học mới theo nhu cầu xã hội và định hướng phát triển Nhà trường. Đầu tư trang thiết bị hiện đại, đẩy mạnh hoạt động sáng tạo khoa học kỹ thuật - nâng cao năng lực thực hành - ứng dụng chuyển giao công nghệ phù hợp với tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghiệp lần thứ tư để Nhà trường không chỉ là nơi phổ biến tri thức, dạy sinh viên cách tiếp cận công nghệ mà là nơi tạo ra tri thức, tạo ra công nghệ.

2.3.4. Nâng cao năng lực quản trị đại học; tăng cường công tác kiểm tra giám sát, ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện thông minh hóa trong công tác quản lý cán bộ, quản lý sinh viên, quản lý một số hoạt động đào tạo, quản lý công việc theo kết quả đầu ra; từng bước xây dựng trường học thông minh góp phần xây dựng thành phố thông minh.

2.3.5. Duy trì vận hành hệ thống quản lý chất lượng (Quality Management Systems - QMS) theo TCVN ISO 9001:2015; tiếp tục thực hiện tự đánh giá chất lượng

và kiểm định chương trình đào tạo trình độ đại học; tái kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học theo bộ tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo vào năm 2023.

2.4. Triết lý giáo dục

Chất lượng toàn diện - Hợp tác sâu rộng - Phát triển bền vững.

2.5. Giá trị văn hoá cốt lõi

Thực học - Thực hành - Thực chung - Thực tâm - Thực nghiệp - Thực tiến.

B. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Công nghệ dệt, may có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có kiến thức toàn diện về lĩnh vực dệt may; có kỹ năng thực hành thành thạo; có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và thích ứng với các môi trường làm việc; có ý thức tổ chức kỷ luật trong công việc, ý thức phục vụ cộng đồng; có năng lực nghiên cứu, khả năng sáng tạo, tự học để phát triển trong lĩnh vực dệt, may thời kỳ hội nhập quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

1.2.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

1.2.1.1a. Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật, kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh để vận dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

1.2.1.1b. Có kiến thức cơ bản về toán học, tin học, khoa học tự nhiên và ngoại ngữ để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ.

1.2.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

1.2.1.2a. Có kiến thức nền tảng về hình họa, vật liệu, mỹ thuật, thiết kế thời trang và thiết bị may.

1.2.1.2b. Có kiến thức chuyên sâu về thiết kế các loại trang phục, phân tích tài liệu kỹ thuật, thiết kế dây chuyền, lập kế hoạch, quản lý chất lượng sản phẩm và điều hành quá trình sản xuất trong lĩnh vực dệt may.

1.2.2. Kỹ năng

1.2.2.1. Thiết kế, phát triển mẫu; xây dựng và triển khai tài liệu kỹ thuật.

1.2.2.2. Có kỹ năng gia công sản phẩm, tổ chức sản xuất, kiểm soát chất lượng và ứng dụng công nghệ mới vào trong quá trình sản xuất trong lĩnh vực dệt may.

1.2.2.3. Có năng lực ngoại ngữ tiếng Anh hoặc tiếng Trung Quốc hoặc tiếng Nhật để nghiên cứu các vấn đề chuyên môn, giao tiếp, ứng xử, giải quyết công việc với đồng nghiệp, chuyên gia nước ngoài.

1.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

1.2.3.1. Có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo, làm việc theo nhóm và chịu trách nhiệm trong công việc.

1.2.3.2. Có năng lực hướng dẫn, giám sát người khác cùng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

1.2.4. Vị trí làm việc của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng cử nhân Công nghệ dệt, may và có thể làm việc ở các vị trí sau: Cán bộ kỹ thuật tại các doanh nghiệp may, cán bộ phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm tại các doanh nghiệp may; cán bộ quản lý, cán bộ điều hành sản xuất ở các công đoạn trong sản xuất may công nghiệp; nhân viên bộ phận nghiên cứu phát triển mẫu tại các doanh nghiệp may; nhân viên tư vấn, thiết kế và kinh doanh sản phẩm thời trang...; có thể tự tạo lập doanh nghiệp về sản xuất các sản phẩm may mặc hoặc kinh doanh trong lĩnh vực may mặc; làm việc trong các cơ sở giáo dục; đủ điều kiện theo học ở các bậc trình độ cao hơn.

II. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

2.1.1. Hiểu được những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật, quốc phòng và an ninh, giáo dục thể chất để vận dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

2.1.2. Vận dụng được kiến thức về toán học, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và ngoại ngữ để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ.

2.1.3. Trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 03 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2.1.4. Vận dụng được kiến thức cơ bản về vật liệu dệt may, thiết bị, an toàn lao động, mỹ thuật, kỹ thuật điện phục vụ cho quá trình sản xuất.

2.1.5. Vận dụng được các phương pháp thiết kế trang phục để hoàn thiện bộ mẫu sản xuất trong lĩnh vực dệt may.

2.1.6. Phân tích được quy trình công nghệ, tối ưu hóa quá trình sản xuất, kiểm tra, giám sát và điều hành quá trình sản xuất trong lĩnh vực dệt, may.

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Thiết kế và phát triển được các sản phẩm quần áo thông dụng và thời trang.

2.2.2. Xây dựng được tài liệu kỹ thuật; triển khai quá trình cắt, may hoàn thiện sản phẩm; kiểm soát năng suất và chất lượng sản phẩm.

2.2.3. Thiết kế được dây chuyền may, tổ chức và điều hành sản xuất khoa học; ứng dụng công nghệ mới, hiện đại trong lĩnh vực dệt, may.

2.2.4. Truyền đạt được vấn đề, giải pháp chuyên môn tới người khác một cách rõ ràng, dễ hiểu; đánh giá được chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

2.2.5. Hợp tác, thích ứng được với môi trường, công việc mới; dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho bản thân, cho người khác.

2.2.6. Năng lực ngoại ngữ tiếng Anh hoặc tiếng Trung Quốc hoặc tiếng Nhật đạt bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

2.3.1. Có sức khỏe, tư duy để nhận thức tầm quan trọng của việc học tập suốt

đòi; có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi.

2.3.2. Có năng lực hướng dẫn, giám sát người khác cùng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

2.3.3. Tự định hướng, đưa ra kết luận và bảo vệ quan điểm cá nhân trong lĩnh vực Công nghệ dệt, may

2.3.4. Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động kinh doanh, dịch vụ liên quan đến Công nghệ dệt, may.

III. Nội dung chương trình đào tạo

A. HỌC PHẦN KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG VÀ GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
3.1		KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	54		
3.1.1		Lý luận chính trị	11	11	0
1	CTRI 004	Triết học Mác - Lênin	3	3	0
2	CTRI 002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0
3	CTRI 001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
4	CTRI 003	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0
5	CTRI 005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
3.1.2		Khoa học xã hội - nhân văn	4	4	0
3.1.2.1		Phần bắt buộc	2	2	0
6	KHXH 006	Pháp luật đại cương	2	2	0
3.1.2.2		Phần tự chọn có hướng dẫn (chọn 1 trong 2 học phần sau)	2	2	0
7	KHXH 002	Khởi nghiệp kinh doanh	2	2	0
8	KHXH 007	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0
3.1.3		Ngoại ngữ (chọn 1 trong 3 ngoại ngữ)	8	8	0
3.1.3.1		Tiếng Anh	8	8	0
9	TANH 029	Tiếng Anh căn bản 1	2	2	0
10	TANH 030	Tiếng Anh căn bản 2	3	3	0
11	TANH 031	Tiếng Anh căn bản 3	3	3	0
3.1.3.2		Tiếng Trung Quốc	8	8	0
12	TTRUNG 015	Tiếng Trung căn bản 1	2	2	0
13	TTRUNG 016	Tiếng Trung căn bản 2	3	3	0
14	TTRUNG 017	Tiếng Trung căn bản 3	3	3	0
3.1.3.3		Tiếng Nhật	8	8	0
15	TNHAT 006	Tiếng Nhật căn bản 1	2	2	0
16	TNHAT 007	Tiếng Nhật căn bản 2	3	3	0
17	TNHAT 008	Tiếng Nhật căn bản 3	3	3	0
3.1.4		Toán học - Khoa học tự nhiên - Tin học	17	14	3
18	TOAN 018	Đại số tuyến tính	3	3	0

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
19	TOAN 019	Giải tích	3	3	0
20	VLY 001	Vật lý ứng dụng A1	3	2	1
21	VLY 002	Vật lý ứng dụng A2	2	2	0
22	HOA 002	Hóa học ứng dụng D	2	2	0
23	TINCB 005	Tin học cơ bản	4	2	2
3.1.5		Kỹ năng mềm	3	2	1
24	KNM 005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	3	2	1
3.1.6		Giáo dục thể chất	3	0	3
25	GDTC	Giáo dục thể chất	3	0	3
3.1.7		Giáo dục quốc phòng và an ninh	8 TC (165 tiết)		
26	GDQP	Giáo dục quốc phòng và an ninh	8 TC (165 tiết)		
3.2		KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	92	37	55
3.2.1		Kiến thức cơ sở ngành	15	14	1
27	CNDM 062	An toàn lao động và môi trường dệt may	2	2	0
28	CNDM 049	Nhân trắc học may mặc	2	2	0
29	CNDM 051	Thiết bị trong công nghiệp may	3	2	1
30	CNDM 005	Vật liệu dệt may	2	2	0
31	CNDM 006	Vẽ kỹ thuật ngành may	2	2	0
32	CNDM 015	Mỹ thuật trang phục	2	2	0
33	CNDM 061	Xử lý hoàn tất sản phẩm dệt - may	2	2	0
3.2.2		Kiến thức ngành	60	23	37
3.2.2.1		Phần bắt buộc	56	23	33
34	CNDM 056	Thiết kế trang phục 1	4	3	1
35	CNDM 057	Thiết kế trang phục 2	4	3	1
36	CNDM 058	Thiết kế trang phục 3	4	3	1
37	CNDM 040	Đồ án thiết kế trang phục	2	0	2
38	CNDM 008	Công nghệ may trang phục 1	2	2	0
39	CNDM 037	Công nghệ may trang phục 2	4	3	1
40	CNDM 038	Công nghệ may trang phục 3	4	3	1
41	CNDM 039	Đồ án công nghệ may	2	0	2
42	CNDM 052	Thiết kế - giác sơ đồ trên máy tính 1	3	0	3
43	CNDM 054	Thiết kế chuyên may công nghiệp	2	2	0
44	CNDM 060	Tổ chức và quản lý sản xuất may công nghiệp	2	2	0
45	CNDM 050	Quản lý chất lượng trang phục	2	2	0
46	CNDM 045	Kỹ thuật may cơ bản	2	0	2
47	CNDM 046	Kỹ thuật may quần âu, áo sơ mi	4	0	4
48	CNDM 043	Kỹ thuật may áo jacket	4	0	4
49	CNDM 044	Kỹ thuật may áo veston	4	0	4
50	CNDM 048	Kỹ thuật rải chuyên	4	0	4
3.2.2.2		Phần tự chọn có hướng dẫn (chọn 2 trong 3)	4	0	4

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
		<i>học phần sau)</i>			
51	CNDM 013	Đồ họa kỹ thuật ứng dụng ngành may	2	0	2
52	CNDM 047	Kỹ thuật may sản phẩm dệt kim	2	0	2
53	CNDM 036	Chế tạo cỡ gá ngành may	2	0	2
3.2.3		Thực tập và đồ án tốt nghiệp	20	0	20
54	CNDM 406	Thực tập doanh nghiệp	3	0	3
55	CNDM 403	Thực tập tốt nghiệp	7	0	7
56	CNDM 401	Đồ án tốt nghiệp (<i>hoặc học thêm 2 học phần chuyên môn sau</i>)	10	0	10
57	CNDM 042	Kỹ thuật cắt may trang phục trẻ em	5	0	5
58	CNDM 041	Kỹ thuật cắt may trang phục cao cấp	5	0	5
Tổng (tín chỉ)			146		

B. HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN VÀ HỌC PHẦN TỰ CHỌN TÙY Ý

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
I. Học phần điều kiện			11	9	2
I.1		Kỹ năng mềm	6	4	2
1.	KNM 006	Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện và tìm kiếm việc làm	3	2	1
2.	KNM 007	Kỹ năng thích ứng, phản biện và tư duy sáng tạo	3	2	1
I.2		Ngoại ngữ (<i>chọn 1 trong 3 ngoại ngữ</i>)	5	5	0
3.	TANH 034/ TTRUNG018/ TNHAT 009	Tiếng Anh nâng cao/Tiếng Trung nâng cao 1 /Tiếng Nhật nâng cao 1	2	2	0
4.	TANH 024/ TTRUNG019/ TNHAT 010	Tiếng Anh ngành CN dệt, may/Tiếng Trung nâng cao 2/Tiếng Nhật nâng cao 2	3	3	0
II. Học phần tự chọn tùy ý			11	5	6
5.	CNDM 053	Thiết kế - giác sơ đồ trên máy tính 2	3	0	3
6.	CNDM 059	Thiết kế trang phục trên mannequin	3	0	3
7.	CNDM 055	Thiết kế mẫu công nghiệp	3	3	0
8.	DDT 003	Kỹ thuật điện	2	2	0
Tổng (tín chỉ)			22	14	8

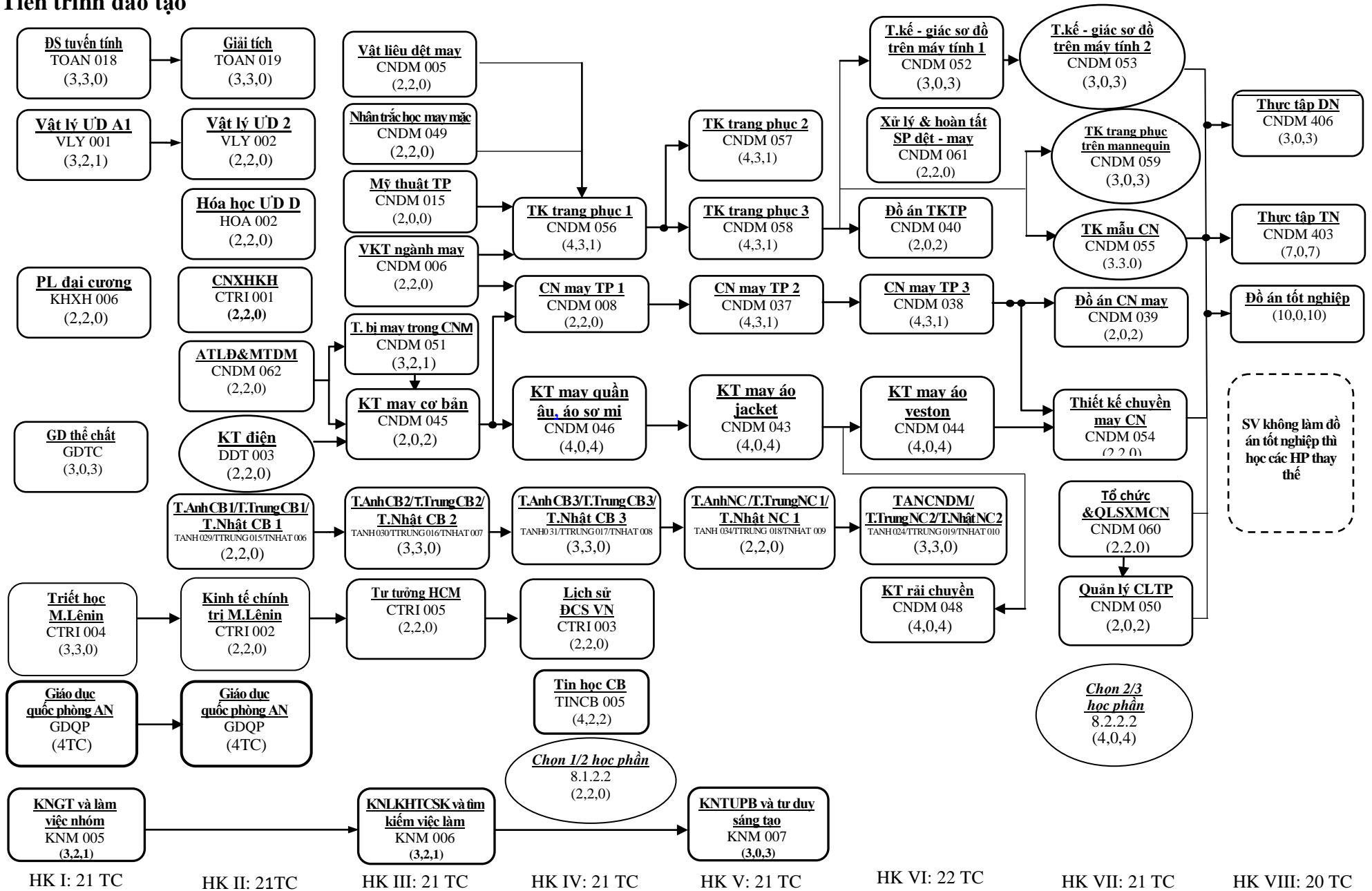
IV. Ma trận tích hợp học phần với chuẩn đầu ra CTĐT

TT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
1.	CTRI 004	Triết học Mác - Lênin	2									3			4		4	
2.	CTRI 002	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2									3			4		4	
3.	CTRI 001	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2									3			4		4	
4.	CTRI 003	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2									3			4		4	
5.	CTRI 005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2									3			4		4	
6.	KHXH 006	Pháp luật đại cương	2									3			4		4	
7.	KHXH 002	Khởi nghiệp kinh doanh		3					3						3			
8.	KHXH 007	Phương pháp nghiên cứu khoa học		4									4		4	4		
9.	TANH 029	Tiếng Anh căn bản 1		2											3	3		
10.	TANH 030	Tiếng Anh căn bản 2		2											3	3		
11.	TANH 031	Tiếng Anh căn bản 3		3											3	4		
12.	TTRUNG 015	Tiếng Trung căn bản 1		2											3	3		
13.	TTRUNG 016	Tiếng Trung căn bản 2		2											3	3		
14.	TTRUNG 017	Tiếng Trung căn bản 3		3											3	4		
15.	TNHAT 006	Tiếng Nhật căn bản 1		2											3	3		
16.	TNHAT 007	Tiếng Nhật căn bản 2		2											3	3		
17.	TNHAT 008	Tiếng Nhật căn bản 3		3											3	4		
18.	TOAN 018	Đại số tuyến tính		3								2			2			
19.	TOAN 019	Giải tích		3								2			2			
20.	VLY 001	Vật lý ứng dụng A1		3								3			2			
21.	VLY 002	Vật lý ứng dụng A2		3								3			2			
22.	HOA 002	Hóa học ứng dụng D		3								3			2			
23.	TINCB 005	Tin học cơ bản			3										3			

TT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo															
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
24.	KNM 005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	2									4	3		4		4	
25.	GDTC	Giáo dục thể chất	2									3			4			
26.	GDQP	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2									3			4			
27.	CNDM 062	An toàn lao động và môi trường dệt may				3					3				4		3	
28.	CNDM 049	Nhân trắc học may mặc		3		4			3		2	3			4	3	3	
29.	CNDM 051	Thiết bị trong công nghiệp may				4				3	3				4		3	
30.	CNDM 005	Vật liệu dệt may		3		4			3	3					4		3	
31.	CNDM 006	Vẽ kỹ thuật ngành may		3		3			3		3				4		3	
32.	CNDM 015	Mỹ thuật trang phục				4			3						4		3	
33.	CNDM 061	Xử lý hoàn tất sản phẩm dệt - may		3		3		3		3	3				4	3	3	
34.	CNDM 056	Thiết kế trang phục 1		3		3	4		3	3					4		3	
35.	CNDM 057	Thiết kế trang phục 2		3		3	4		3	3					4		3	
36.	CNDM 058	Thiết kế trang phục 3		3		3	4		3	4					4		3	
37.	CNDM 040	Đồ án thiết kế trang phục		3	3	4	5		4	4	3	3			4	4	4	
38.	CNDM 008	Công nghệ may trang phục 1				3				3					4		3	
39.	CNDM 037	Công nghệ may trang phục 2		2		4		4		3	3				4	3	3	
40.	CNDM 038	Công nghệ may trang phục 3		3		3		4		4	4				4	3	3	
41.	CNDM 039	Đồ án công nghệ may		3	3	4		5		4	4	4			4	4	4	3
42.	CNDM 052	Thiết kế - giác sơ đồ trên máy tính 1		3	3	4	5		4	4	3				4		3	
43.	CNDM 054	Thiết kế chuyên may công nghiệp		3		4		4		3	4				4	3	3	3
44.	CNDM 060	Tổ chức và quản lý sản xuất may công nghiệp				4		4		3	3	3			4	3	4	
45.	CNDM 050	Quản lý chất lượng trang phục		3		4	4	4		4	3	3			4	3	3	
46.	CNDM 045	Kỹ thuật may cơ bản				3		2		4	3				4		3	
47.	CNDM 046	Kỹ thuật may quần âu, áo sơ mi				3		3		4	4				4		3	

TT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo																
			Kiến thức						Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm				
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4	
48.	CNDM 043	Kỹ thuật may áo jacket				3		3			4	4				4		3	
49.	CNDM 044	Kỹ thuật may áo veston				3		3			4	4				4		3	
50.	CNDM 048	Kỹ thuật rải chuyền				3		4			4	4	3	3		4	4	4	3
51.	CNDM 013	Đồ họa kỹ thuật ứng dụng ngành may		3	3	4					3	4				4		3	
52.	CNDM 047	Kỹ thuật may sản phẩm dệt kim				3		3			4	4				4		3	
53.	CNDM 036	Chế tạo cỡ gá ngành may		3		4	4	3			4	3				4	3	3	
54.	CNDM 406	Thực tập doanh nghiệp		3	3	4	4	6	4	4	4	3	4			4	4	4	3
55.	CNDM 403	Thực tập tốt nghiệp		3	3	4	4	6	4	4	4	3	4			4	4	4	3
56.	CNDM 401	Đồ án tốt nghiệp		3	3	4	4	6	4	4	4	4				4	4	4	3
57.	CNDM 042	Kỹ thuật cắt may trang phục trẻ em		3		4	4	4	3	4	4					4		3	
58.	CNDM 041	Kỹ thuật cắt may trang phục cao cấp		3		4	4	4	3	4	4					4		3	
59.	KNM 006	Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện và tìm kiếm việc làm	2										4	3		4		4	
60.	KNM 007	Kỹ năng thích ứng, phản biện và tư duy sáng tạo	2										4	3		4		4	
61.	TANH 034/ TTRUNG018/ TNHAT 009	Tiếng Anh nâng cao/Tiếng Trung nâng cao 1/Tiếng Nhật nâng cao 1		3											4	4			
62.	TANH 024/ TTRUNG019/ TNHAT 010	Tiếng Anh ngành CN dệt, may/Tiếng Trung nâng cao 2 /Tiếng Nhật nâng cao 2		3											4	4			
63.	CNDM 053	Thiết kế - giác sơ đồ trên máy tính 2		3	3	4	5		4	4	3					4		3	
64.	CNDM 059	Thiết kế trang phục trên Mannequin				4	4	4	4	4						4		3	
65.	CNDM 055	Thiết kế mẫu công nghiệp		2		4	4		4	4						4		3	
66.	DDT 003	Kỹ thuật điện				3										4	4	3	

V. Tiến trình đào tạo



VI. Nội dung các học phần

6.1. Mô tả các học phần

1. Triết học Mác - Lênin

Học phần Triết học Mác - Lênin giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Triết học và vấn đề cơ bản của triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; chủ nghĩa duy vật biện chứng: vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức; chủ nghĩa duy vật lịch sử: vai trò của triết học trong đời sống xã hội, chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử: học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, Nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người. Hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng cho sinh viên trong nhận thức và thực tiễn.

2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin; hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Học phần Chủ nghĩa xã hội (CNXH) khoa học giới thiệu khái quát cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH, dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa, cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH, vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH, vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Giúp sinh viên nhận diện và giải quyết các vấn đề chính trị - xã hội nảy sinh trong thực tiễn quá trình xây dựng CNXH ở Việt Nam.

4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền từ năm 1930 - 1945; Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay). Hình thành cho sinh viên phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập. Giúp sinh viên nhận thức đúng đắn đường lối lãnh đạo của Đảng, và khả năng vận dụng đường lối của Đảng vào tiễn trong học tập, cuộc sống.

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh cung cấp cho sinh viên kiến thức về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung, quan điểm cơ

bản trong hệ thống tư tưởng của Người như: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân; về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người. Hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng cho sinh viên trong nhận thức và thực tiễn. Giúp sinh viên nhận thức đúng đắn các vấn đề của tự nhiên, xã hội và tư duy, hình thành quan điểm khoa học, lập trường cách mạng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

6. Pháp luật đại cương

Học phần Pháp luật đại cương giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật nói chung cũng như Nhà nước và pháp luật Việt Nam nói riêng; về một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật Hiến pháp Việt Nam, Luật hành chính, Luật hình sự và tố tụng hình sự, Luật dân sự và tố tụng dân sự, Pháp luật về Luật lao động và Bảo hiểm xã hội, Pháp luật kinh doanh. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật Việt Nam, từ đó sống, học tập và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

7. Khởi nghiệp kinh doanh

Học phần Khởi nghiệp kinh doanh cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và cần thiết trong lĩnh vực kinh doanh như: Thảo luận về vấn đề quản trị doanh nghiệp mới, phân tích các đặc điểm doanh nghiệp, quản trị tính sáng tạo và tạo dựng một doanh nghiệp thành công. Phương pháp hình thành ý tưởng kinh doanh, cách thức xây dựng bản kế hoạch và triển khai hoạt động kinh doanh. Cung cấp những kỹ năng.

8. Phương pháp nghiên cứu khoa học

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về phương pháp thu thập dữ liệu và xử lý thông tin, trình bày luận điểm khoa học giúp cho sinh viên hình thành tư duy logic trong nghiên cứu khoa học. Từ đó, sinh viên biết xây dựng luận điểm, tìm kiếm luận cứ thông qua vận dụng các phương pháp thu thập thông tin và hoàn thiện về kỹ năng thuyết trình luận điểm khoa học.

9. Tiếng Anh căn bản 1

Học phần Tiếng Anh căn bản 1 đề cập đến những từ vựng cơ bản về các chủ điểm: Nghề nghiệp, con người, nơi chốn, gia đình, thể thao, sức khỏe, đồ ăn, quần áo, máy tính và internet. Bên cạnh đó, sinh viên được củng cố các kiến thức ngữ pháp như: Động từ to be, đại từ nhân xưng; tính từ, đại từ sở hữu; giới từ chỉ thời gian, địa điểm; đại từ bất định... Phân biệt được các thời động từ: Hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ và phân biệt danh từ đếm được và không đếm được, các cấu trúc sử dụng với các dạng từ loại: Can, have got, there is/are, like... và một số loại cấu trúc câu hỏi.

10. Tiếng Anh căn bản 2

Học phần Tiếng Anh căn bản 2 đề cập đến những từ vựng cơ bản về các chủ điểm: Đồ ăn, quần áo, máy tính và internet, âm nhạc, lễ hội, công nghệ, phát minh,

thời tiết, kỳ nghỉ, phương tiện giao thông, công việc, hoạt động, kỹ năng, thói quen văn hóa, chính trị. Bên cạnh đó, sinh viên được củng cố các kiến thức ngữ pháp như: Động từ to be, đại từ nhân xưng; tính từ, đại từ sở hữu; giới từ chỉ thời gian, địa điểm; đại từ bất định... Phân biệt được các thời động từ: quá khứ, hiện tại hoàn thành, cấu trúc so sánh, will và be going to, have to, mệnh lệnh thức, giới từ và phân biệt danh từ đếm được và không đếm được, các cấu trúc sử dụng với các dạng từ loại: Can, have got, there is/are, like... và một số loại cấu trúc câu hỏi.

11. Tiếng Anh căn bản 3

Học phần gồm 12 bài học về các chủ điểm: Cuộc sống của bạn, những sự kiện trong cuộc sống, phong cách, mục tiêu, sống khỏe, quy luật, sắp xếp thời gian, thể thao, công nghệ và cuộc sống, thế giới tự nhiên, thư giãn...

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các lĩnh vực:

Ngữ pháp: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức ngữ pháp về thì hiện tại đơn, và hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, và quá khứ tiếp diễn, thời hiện tại hoàn thành, thời tương lai đơn, các biện pháp so sánh hơn, so sánh hơn nhất, danh động từ và động từ nguyên thể, cách dùng động từ khuyết thiếu chỉ yêu cầu và lời khuyên, mệnh đề quan hệ, câu bị động và câu điều kiện...

Từ vựng: Cung cấp cho sinh viên từ loại về các chủ điểm liên quan đến nội dung bài học: Cuộc sống của bạn, những sự kiện trong cuộc sống, phong cách, mục tiêu, sống khỏe, quy luật, sắp xếp thời gian, thể thao, công nghệ và cuộc sống, thế giới tự nhiên, thư giãn...

Kỹ năng: Học phần luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ điểm bài học.

Kết cấu mỗi bài học gồm 4 phần, mỗi phần đều bao gồm 1 chủ đề về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp và phần luyện tập các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề từ vựng cũng như cấu trúc ngữ pháp đó. Kết thúc mỗi bài đều có phần củng cố và ôn tập lại toàn bộ nội dung bài học đó.

12. Tiếng Trung căn bản 1

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về ngữ âm và chữ viết tiếng Trung: Cách phát âm, cách viết các nét cơ bản, nét biến thể và quy tắc viết chữ Hán, từ vựng về các chủ điểm liên quan đến nội dung bài học: Làm quen, hỏi họ tên, hỏi địa điểm, đổi tiền, mua bán, ăn uống... và kiến thức ngữ pháp như: Cách sử dụng các từ 们, 也, 都, 在... cách đọc số tự nhiên và mã số, câu hỏi dùng “吗”, câu hỏi dùng đại từ nghi vấn, câu hỏi chính phủ, câu vị ngữ động từ, câu vị ngữ hình dung từ...

13. Tiếng Trung căn bản 2

Nội dung các bài cung cấp cho sinh viên các từ vựng, các cụm từ liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hàng ngày: Miêu tả đồ vật, giới thiệu gia đình, hoạt động ở thư viện và bưu điện, hoạt động hàng ngày, mua quần áo. Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp: Câu hỏi dùng 呢, câu hỏi lựa chọn, câu hỏi chính phủ, cụm từ chữ 的, từ hỏi số lượng, cụm từ số lượng, câu vị ngữ

hình dung từ, câu vị ngữ chủ vị, câu vị ngữ hai tân ngữ, câu chữ 有, câu liên động, động từ lặp lại, cách nói giá tiền, số tự nhiên, cách biểu đạt sự tiến hành của động tác, cấu trúc 又...又..., 一点儿 và 有一点儿, 还是 và 或者. Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện, củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài trong học phần.

14. Tiếng Trung căn bản 3

Học phần Tiếng Trung căn bản 3 cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

- Ngữ pháp: Câu vị ngữ danh từ, câu kiêm ngữ, động từ năng nguyện, trợ từ ngữ khí “了”, bổ ngữ trạng thái, câu hỏi dùng ngữ điều nghi vấn, cách hỏi với “多”, phân biệt được cách dùng “以前” và “以后”, “离”, “从” và “往”, “再” và “又”, cách biểu đạt thời gian, phương hướng và vị trí (phương vị từ), cách biểu đạt sự tồn tại, cách hỏi nguyên nhân.

- Từ vựng: Các nhóm động từ, danh từ theo những chủ điểm khác nhau: Hoạt động hằng ngày, sở thích cá nhân, cách biểu đạt phương hướng, thời gian,...

- Kỹ năng: Các bài luyện tập nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề liên quan đến công việc, đời sống,...

15. Tiếng Nhật căn bản 1

Học phần gồm những kiến thức cơ bản về chữ viết (nhập môn Kana): Bảng chữ Hiragana và Katakana, các ghép âm, âm ngắt, trường âm, thể khẳng định, phủ định, nghi vấn của -desu; trợ từ -wa, -mo, -no; các đại từ chỉ định cùng với các cụm từ chào hỏi, làm quen, giới thiệu bản thân, danh từ chỉ nghề nghiệp, quốc tịch, đồ vật, số đếm, đồng thời học phần cung cấp các bài tập luyện kỹ năng nghe, nói, đọc, viết theo các chủ đề bài học.

16. Tiếng Nhật căn bản 2

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Chữ Kanji thường dùng.

- Ngữ pháp: Cách chia động từ ở các thể -masu, -masen, -mashita, -masendeshita, -masenka, -masho, tính từ đuôi -i và tính từ đuôi -na, trợ từ đi cùng với động từ, trạng từ chỉ mức độ, tần suất.

- Từ vựng: Chủ đề như ngày tháng, phương tiện giao thông, thể thao, mua sắm, ăn uống.

- Kỹ năng: Luyện tập nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề cách đưa lời mời, cách nói sở thích, mô tả các hoạt động thường ngày của bản thân và đối tượng giao tiếp, các cách biểu thị sự đồng ý, tán thành, cách nói giờ giấc, ngày tháng.

17. Tiếng Nhật căn bản 3

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Chữ Kanji thường dùng.

- Ngữ pháp: Cách biến đổi danh từ, tính từ sang thì quá khứ, cấu trúc so sánh của tính từ, cách sử dụng trợ từ, lượng từ, giới từ chỉ vị trí, động từ -iru, -aru, động từ thể -tai, thể -te.

- Từ vựng: Chủ đề gia đình, ẩm thực, giải trí, âm nhạc, thể thao, thời tiết, cảm xúc, lễ hội và địa danh.

- Kỹ năng: Luyện tập nghe, nói, đọc, viết về sở thích, giải thích lý do, biểu thị ý muốn, mệnh lệnh, mô tả sự sở hữu, tồn tại của người và sự vật, so sánh, đếm đồ vật và các hoạt động thường ngày của bản thân và đối tượng giao tiếp.

18. Đại số tuyến tính

Học phần Đại số tuyến tính đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau: Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ, ánh xạ tuyến tính, dạng toàn phương.

19. Giải tích

Học phần Giải tích đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Hàm một biến số: Giới hạn, tính liên tục, đạo hàm, vi phân, phép tính tích phân hàm một biến.

- Hàm nhiều biến số: Giới hạn, tính liên tục, đạo hàm riêng, vi phân, cực trị, tích phân bội, tích phân đường, phương trình vi phân cấp một, phương trình vi phân cấp hai.

20. Vật lý ứng dụng A1

Nội dung học phần Vật lý ứng dụng A1 gồm các phần:

Động học chất điểm: Các loại chuyển động cơ học đặc biệt.

Động lực học chất điểm: Các định luật của Newton, các định lý động lượng, định luật bảo toàn cơ năng.

Động lực học hệ chất điểm: Các dạng chuyển động của vật rắn, phương trình mô tả và các đại lượng vật lý đặc trưng cho vật rắn quay quanh trục cố định.

Dao động và sóng cơ học: Một số loại dao động cơ học, sự lan truyền sóng cơ học.

Nhiệt động lực học: Các định luật thực nghiệm chất khí, phương trình trạng thái của khí lý tưởng, các nguyên lý và ứng dụng của các nguyên lý nhiệt động lực học.

Thí nghiệm vật lý ứng dụng: Các bài thí nghiệm vật lý thuộc các lĩnh vực cơ, nhiệt, điện, quang.

21. Vật lý ứng dụng A2

Nội dung học phần gồm các phần sau:

- Điện từ trường: Điện trường tĩnh, từ trường tĩnh, điện từ trường biến thiên.

- Dao động và sóng điện từ: Dao động điện từ điều hòa, tắt dần, cưỡng bức.

- Quang học: Tính chất sóng ánh sáng qua các hiện tượng: Giao thoa, nhiễu xạ ánh sáng.

22. Hóa học ứng dụng D

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Cấu tạo chất: Cấu tạo nguyên tử, bảng hệ thống tuần hoàn, các loại liên kết hóa học và dạng hình học của phân tử.

- Nhiệt động hóa học: Các quá trình nhiệt hóa học, tốc độ phản ứng, cân bằng hóa học, dung dịch, dung dịch điện ly, điện hóa học.

23. Tin học cơ bản

Học phần Tin học cơ bản cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về máy tính, hệ điều hành Windows, lưu trữ thông tin trên máy tính, kết nối và sử dụng tài nguyên và các dịch vụ trên Internet, xử lý một số sự cố liên quan đến máy tính và mạng, cách soạn và

trình bày văn bản trong thực tế yêu cầu. Đồng thời giới thiệu cách trình bày, tạo và xử lý dữ liệu bảng tính; xây dựng và trình chiếu bài thuyết trình để giải quyết các tình huống xảy ra trong thực tế.

24. Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm

Học phần Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm cung cấp những nội dung cơ bản về khái niệm, vai trò, các phương tiện và các kỹ năng giao tiếp như: Cách thức giao tiếp, các nguyên tắc trong giao tiếp; những khó khăn trong giao tiếp; các hình thức trong giao tiếp ứng xử trong nhà trường như: Giao tiếp, ứng xử với thầy cô, cán bộ, công nhân viên, ứng xử với khách đến liên hệ với trường; nội dung cơ bản về khái niệm, tầm quan trọng và các kỹ năng làm việc nhóm như: Cách thức và quy chế tổ chức nhóm, các nguyên tắc làm việc theo nhóm, quá trình làm việc theo nhóm, giải quyết vấn đề trong nhóm, đánh giá kết quả của nhóm; những khó khăn khi làm việc theo nhóm. Từ đó, sinh viên vận dụng trong quá trình học tập, rèn luyện và trong cuộc sống.

25. Giáo dục thể chất

Sinh viên chọn 1 trong 3 nội dung:

- *Bóng chuyền hơi*: Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển, các quy định về sân bãi, dụng cụ thi đấu, luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu và một số kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền: kỹ thuật chuyền bóng thấp tay, kỹ thuật chuyền bóng cao tay, kỹ thuật phát bóng. Các bài tập phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn của môn bóng chuyền.

- *Bóng đá*: Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu và một số kỹ thuật nâng cao của môn bóng đá: kỹ thuật dẫn bóng luân cọc sút cầu môn, kỹ thuật ném biên, kỹ thuật đá bóng bằng má trong bàn chân. Các bài tập phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn của bóng đá.

- *Khiêu vũ thể thao*: Nội dung của học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về: Lịch sử ra đời và phát triển môn khiêu vũ thể thao; luật khiêu vũ thể thao; các kỹ thuật cơ bản: thuật ngữ, vũ điệu Bachata, Chachacha và Bebo.

26. Giáo dục quốc phòng và an ninh

Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh bao gồm những kiến thức cơ bản về nền quốc phòng toàn dân, an ninh Nhân dân, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh, nghệ thuật quân sự Việt Nam. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh Nhân dân. Đội ngũ đơn vị, sử dụng bản đồ, địa hình quân sự, một số loại vũ khí bộ binh; thuốc nổ; phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; cấp cứu ban đầu các vết thương. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; từng người trong chiến đấu tiến công; từng người trong chiến đấu phòng ngự.

27. An toàn lao động và môi trường dệt may

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về môi trường sản xuất và các biện pháp an toàn trong lao động sản xuất may công nghiệp; các kiến thức về bảo hộ lao động, các điều kiện vệ sinh trong lao động: phòng chống cháy nổ, bụi, tiếng ồn, chất phóng xạ... trong

các phân xưởng may công nghiệp; các kỹ thuật an toàn lao động: an toàn điện, phòng chống cháy nổ, an toàn khi thiết kế và sử dụng máy móc may công nghiệp.

28. Nhân trắc học may mặc

Học phần Nhân trắc học may mặc trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhân trắc học, mục đích, ứng dụng của nhân trắc trong ngành may mặc; các kiến thức về đặc điểm hình thái cơ thể người, các cách phân loại hình dáng cơ thể người, phương pháp đo thông số kích thước để thiết kế sản phẩm trang phục; các bước xây dựng hệ thống cỡ số và yếu tố ảnh hưởng đến hệ thống cỡ số.

29. Thiết bị trong công nghiệp may

Học phần Thiết bị trong công nghiệp may nghiên cứu các nội dung: cấu tạo, đặc tính của các dạng mũi may áp dụng trong máy may; nghiên cứu cấu tạo nguyên lý làm việc các loại máy may; nghiên cứu về các thiết bị xử lý nhiệt hơi, thiết bị gá lắp áp dụng trong ngành công nghiệp may.

30. Vật liệu dệt may

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cấu tạo và tính chất của một số nguyên liệu dệt. Ngoài ra cung cấp những kiến thức về cấu trúc, tính chất của vải dệt thoi, dệt kim, vải không dệt và phụ liệu may. Từ đó giúp sinh viên biết nguồn gốc của nguyên liệu dệt, biết phân biệt và lựa chọn nguyên phụ liệu phù hợp với sản phẩm may.

31. Vẽ kỹ thuật ngành may

Học phần cung cấp những kiến thức về tiêu chuẩn trình bày bản vẽ, cách dựng một bản vẽ đúng tiêu chuẩn kỹ thuật và kỹ năng nắm bắt, hiểu được hệ thống ký hiệu thông số trong bản vẽ kỹ thuật chuyên ngành may mặc. Những kiến thức về vẽ kỹ thuật trong ngành may giúp cho việc thiết kế các sản phẩm may mặc được chuẩn hóa, thúc đẩy việc chuyên môn hóa nâng cao năng suất trong sản xuất.

32. Mỹ thuật trang phục

Nội dung học phần Mỹ thuật trang phục trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về trang phục, thời trang và mốt, màu sắc trong lĩnh vực thời trang, hình dáng, họa tiết, chất liệu sử dụng trong ngành thời trang, bố cục trang phục đảm bảo yêu cầu mỹ thuật.

33. Xử lý hoàn tất sản phẩm dệt - may

Học phần Xử lý hoàn tất sản phẩm dệt - may cung cấp những kiến thức cơ bản về tính chất, phạm vi ứng dụng, bảo quản của các loại hóa chất. Quá trình xử lý vải trước, trong và sau nhuộm. Quá trình nhuộm của một số loại vải thông dụng. Ngoài ra học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình in hoa trên sản phẩm dệt may.

34. Thiết kế trang phục 1

Học phần Thiết kế trang phục 1 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp thiết kế các loại sản phẩm quần áo, áo sơ mi trên cơ sở của hệ thống cỡ số, lượng cử động cho phù hợp với các loại quần áo kiểu cơ bản. Ngoài ra học phần còn giúp sinh viên có kỹ năng thiết kế một số kiểu mẫu quần áo cơ bản, để từ đó có thể thiết kế và phát triển mẫu mới hợp lý và khoa học.

35. Thiết kế trang phục 2

Học phần Thiết kế trang phục 2 giúp sinh viên nắm được phương pháp thiết kế các loại sản phẩm áo khoác ngoài trên cơ sở của hệ thống cỡ số, lượng cử động cho phù hợp với chất liệu và kiểu dáng của sản phẩm. Học phần còn giúp sinh viên có kỹ năng thiết kế một số kiểu áo khoác ngoài từ mẫu áo cơ bản, để từ đó có thể thiết kế và phát triển mẫu mới hợp lý và khoa học.

36. Thiết kế trang phục 3

Học phần Thiết kế trang phục 3 cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về phương pháp xây dựng các loại mẫu cỡ trung bình, phương pháp nhảy mẫu theo bảng thông số kỹ thuật dùng trong sản xuất may công nghiệp và xây dựng tài liệu kỹ thuật thiết kế cho mã hàng chuẩn bị đưa vào sản xuất.

37. Đồ án thiết kế trang phục

Học phần Đồ án thiết kế trang phục giúp cho sinh viên tổng hợp kiến thức lý thuyết đã học và kinh nghiệm thực tế tại xưởng trường và doanh nghiệp may công nghiệp để thiết kế và xây dựng tài liệu kỹ thuật thiết kế phục vụ cho sản xuất.

38. Công nghệ may trang phục 1

Học phần Công nghệ may trang phục 1 trang bị cho sinh viên kiến thức về kỹ thuật may cơ bản trong may công nghiệp, đặc điểm, tính chất của các đường may máy cơ bản, kỹ thuật may các bộ phận của sản phẩm, trình tự gia công và cách vẽ mặt cắt của đường may, cụm chi tiết trên sản phẩm.

39. Công nghệ may trang phục 2

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về quy trình trong sản xuất may công nghiệp, các công đoạn trong quá trình sản xuất từ khi chuẩn bị nguyên liệu đến hoàn tất sản phẩm. Phân tích sản phẩm, xây dựng quy trình công nghệ gia công sản phẩm.

40. Công nghệ may trang phục 3

Học phần Công nghệ may trang phục 3 trang bị cho sinh viên những kiến thức về sản phẩm may và quá trình công nghệ may, làm mẫu sản xuất, phương pháp giác sơ đồ, tính định mức nguyên phụ liệu, định mức thời gian gia công sản phẩm, xây dựng tài liệu kỹ thuật công nghệ.

41. Đồ án công nghệ may

Học phần Đồ án công nghệ may sẽ giúp cho sinh viên tổng hợp, củng cố kiến thức các học phần của chuyên ngành Công nghệ dệt, may gồm: vẽ kỹ thuật ngành may; Thiết kế và giác sơ đồ trên máy tính; Thiết kế trang phục 3; Công nghệ may 3; Kỹ thuật may các loại sản phẩm áo sơ mi, quần âu, áo jacket, áo vecton đảm bảo yêu cầu về chất lượng và định mức của sản phẩm.

42. Thiết kế - giác sơ đồ trên máy tính 1

Học phần Thiết kế - giác sơ đồ trên máy tính 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng sử dụng phần mềm Lectra và Optitex

- Kiến thức chung về phần mềm Lectra và Optitex.
- Ý nghĩa và cách sử dụng các lệnh trong phần mềm Lectra và Optitex.

- Kỹ năng thiết kế, nhẩy mẫu, giác sơ đồ các loại mẫu phục vụ sản xuất may công nghiệp.

43. Thiết kế chuyên may công nghiệp

Nội dung học phần Thiết kế chuyên may công nghiệp trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tổng quan về chuyên may công nghiệp, tính các thông số công nghệ và quy trình thiết kế chuyên may. Cải tiến, nâng cao hiệu quả hoạt động trong chuyên may công nghiệp.

44. Tổ chức và quản lý sản xuất may công nghiệp

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về tổ chức và quản lý sản xuất trong doanh nghiệp may công nghiệp. Nội dung bao gồm những kiến thức về doanh nghiệp, thị trường, tổ chức sản xuất trong doanh nghiệp, công tác con người trong doanh nghiệp, công tác chỉ huy và điều hành sản xuất.

45. Quản lý chất lượng trang phục

Học phần Quản lý chất lượng trang phục trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chất lượng sản phẩm; vai trò, chức năng và các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý chất lượng sản phẩm; phương pháp quản lý chất lượng sản phẩm, các điều kiện để đánh giá sản phẩm đảm bảo chất lượng; các phương pháp kiểm tra chất lượng một số sản phẩm thông dụng, quản lý chất lượng các công đoạn trong may công nghiệp.

46. Kỹ thuật may cơ bản

Học phần Kỹ thuật may cơ bản cung cấp cho sinh viên những kỹ năng cơ bản về: phương pháp may hoàn chỉnh được các loại đường may tay, may máy cơ bản,... Biết phân tích và may được các cụm chi tiết cơ bản trên các loại sản phẩm như: áo sơ mi, quần âu, áo jacket 2 lớp đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật.

47. Kỹ thuật may quần âu, áo sơ mi

Học phần Kỹ thuật may quần âu, áo sơ mi cung cấp cho sinh viên những kỹ năng cơ bản về: phân tích được kết cấu các cụm chi tiết của áo sơ mi, quần âu. May hoàn chỉnh được các loại sản phẩm áo sơ mi, quần âu đảm bảo yêu cầu chất lượng và định mức của sản phẩm.

48. Kỹ thuật may áo jacket

Học phần Kỹ thuật may áo jacket cung cấp cho sinh viên những kỹ năng cơ bản về: may hoàn chỉnh được các loại sản phẩm như: áo jacket 2 lớp, 3 lớp đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật. Sinh viên có khả năng nhận biết và phòng ngừa được các dạng hỏng thường xảy ra.

49. Kỹ thuật may áo veston

Học phần Kỹ thuật may áo veston cung cấp cho sinh viên những kỹ năng cơ bản về may các bộ phận chủ yếu của áo vesto nam và nữ; lắp ráp hoàn chỉnh sản phẩm veston nữ, nam đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật.

50. Kỹ thuật rải chuyên

Học phần Kỹ thuật rải chuyên đào tạo sinh viên về khả năng thích ứng với các công việc triển khai một mã hàng trong thực tế. Với những kiến thức và kỹ năng hình

thành trong quá trình học tập sẽ giúp cho sinh viên thực hiện được công việc: vận dụng kiến thức của các học phần vào thực tế sản xuất, may được các công đoạn của các loại sản phẩm khác nhau, rải chuyền và điều hành dây chuyền, kiểm soát được năng suất, chất lượng sản phẩm trước khi ra chuyền. Nhận biết và xử lý các tình huống thường gặp khi rải chuyền và điều hành dây chuyền may, tổ chức, thực hiện tốt công việc kiểm tra chất lượng và hoàn thiện bao gói sản phẩm.

51. Đồ họa kỹ thuật ứng dụng ngành may

Học phần Đồ họa kỹ thuật ứng dụng ngành may trang bị cho sinh viên kỹ năng sử dụng các phần mềm đồ họa, điển hình là phần mềm Corel draw vào thiết kế các bản vẽ mỹ thuật và kỹ thuật ngành may.

52. Kỹ thuật may sản phẩm dệt kim

Học phần Thực hành may các sản phẩm dệt kim cung cấp cho sinh viên kỹ năng về: bảo dưỡng, vận hành các thiết bị may sản phẩm dệt kim; may các bộ phận chủ yếu của áo T- shirt ; may ráp hoàn chỉnh áo T- shirt; là, vệ sinh, kiểm tra sản phẩm.

53. Chế tạo cỡ gá ngành may

Học phần Chế tạo cỡ gá ngành may giúp sinh viên nâng cao kỹ năng về phân tích kết cấu bộ phận chủ yếu, thiết kế và chế tạo cỡ gá may các bộ phận chủ yếu của một số mặt hàng thông dụng trong sản xuất may công nghiệp như: bộ phận chủ yếu quần âu, bộ phận chủ yếu áo sơ mi, bộ phận chủ yếu áo jacket. Áp dụng các loại cỡ gá chế tạo đó vào sản xuất nhằm nâng cao năng suất và chất lượng cho sản phẩm.

54. Thực tập doanh nghiệp

- Thực tập doanh nghiệp là học phần nhằm tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội làm quen với thực tế lao động sản xuất. Vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học trải nghiệm vào thực tế.

- Với những kiến thức và kỹ năng hình thành trong quá trình học tập sẽ giúp cho sinh viên tìm hiểu về cơ sở thực tập, làm quen với những công việc của một kỹ thuật viên tại cơ sở thực tập; trải nghiệm vào thực tế công việc chuyên môn.

55. Thực tập tốt nghiệp

Học phần Thực tập tốt nghiệp giúp sinh viên về khả năng thích ứng với các công việc triển khai một mã hàng trong thực tế. Với những kiến thức và kỹ năng hình thành trong quá trình học tập sẽ giúp cho sinh viên thực hiện được công việc: vận dụng kiến thức của các học phần vào thực tế, may được các công đoạn của các loại sản phẩm khác nhau, rải chuyền và điều hành dây chuyền trôi chảy, nhận biết và xử lý các tình huống thường gặp khi rải chuyền và điều hành dây chuyền may, tổ chức, thực hiện tốt công việc kiểm tra chất lượng và hoàn thiện bao gói sản phẩm.

56. Đồ án tốt nghiệp

Đồ án tốt nghiệp được thực hiện ở kỳ cuối cùng của chương trình học, sau khi người học đã hoàn thành các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành, thực tập tốt nghiệp. Nội dung của học phần giúp sinh viên tổng hợp các kiến thức để giải quyết một vấn đề thực tiễn trong sản xuất may công nghiệp.

57. Kỹ thuật cắt may trang phục trẻ em

Học phần Kỹ thuật cắt may trang phục trẻ em giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng thiết kế. Nội dung học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng thiết kế một số trang phục cơ bản cho trẻ em như áo sơ sinh, áo sơ mi, váy, quần sooc...

58. Kỹ thuật cắt may trang phục cao cấp

Học phần Kỹ thuật cắt may trang phục cao cấp trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về thiết kế áo dài, áo măng tô nữ; kỹ năng may hoàn thiện áo dài, áo măng tô nữ đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và mỹ thuật. Học phần giúp sinh viên rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác trong cắt may trang phục cao cấp.

59. Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện và tìm kiếm việc làm

Học phần Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện và tìm kiếm việc làm giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về 2 kỹ năng: Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện cung cấp những kiến thức cơ bản về khái niệm, vai trò của kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức sự kiện. Hình thành cho sinh viên kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức sự kiện, qua đó sinh viên vận dụng lập kế hoạch trong học tập, rèn luyện, trong cuộc sống và tổ chức được một số sự kiện. Kỹ năng tìm kiếm việc làm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Khái niệm, kỹ năng tìm kiếm việc làm, quá trình tìm việc làm; đánh giá năng lực bản thân, xác định mục tiêu nghề nghiệp, tìm kiếm cơ hội việc làm, kỹ năng chuẩn bị hồ sơ xin việc, chuẩn bị tốt cho buổi phỏng vấn, tham dự phỏng vấn, sau buổi phỏng vấn, thương lượng về lương bổng và các quyền lợi khác các bước chuẩn bị cho công việc mới. Từ đó, sinh viên phát huy hiệu quả kiến thức đã học để phát triển tiềm năng cá nhân, đáp ứng với yêu việc làm của xã hội.

60. Kỹ năng thích ứng, phản biện và tư duy sáng tạo

Học phần Kỹ năng thích ứng, phản biện và tư duy sáng tạo cung cấp những nội dung cơ bản về khái niệm, vai trò và các kỹ năng thích ứng như: kỹ năng thích ứng trong học tập; kỹ năng thích ứng với môi trường làm việc; các giải pháp rèn luyện kỹ năng thích ứng như: xác định tư tưởng, thường xuyên giả định các trường hợp có thể xảy ra, luôn khám phá và kích thích sự sáng tạo, đối diện với thử thách, chấp nhận thay đổi để thích ứng với mọi hoàn cảnh trong cuộc sống. Nội dung cơ bản về khái niệm, vai trò, đặc điểm của người có kỹ năng phản biện, rèn luyện kỹ năng phản biện, trau dồi kiến thức cho bản thân thường xuyên, rèn luyện kỹ năng phân tích, kỹ năng phản biện khi giao tiếp, nâng cao khả năng sáng tạo, cách giải quyết vấn đề, rèn luyện để có cách nhìn khách quan, hình thành thói quen đặt câu hỏi, việc sử dụng sơ đồ. Nội dung kỹ năng tư duy sáng tạo gồm khái niệm, đặc điểm và lợi ích của tư duy sáng tạo, các loại tư duy sáng tạo, phẩm chất của tư duy sáng tạo, quy trình và phương pháp tư duy sáng tạo; các bước trong quy trình tư duy sáng tạo, phương pháp tư duy sáng tạo. Từ đó, sinh viên vận dụng các kỹ năng vào quá trình học tập, rèn luyện và trong cuộc sống.

61. Tiếng Anh nâng cao

Học phần Tiếng Anh nâng cao cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

- Ngữ pháp: Cách sử dụng động từ, giới từ, liên từ, trạng từ, các thì của động từ, sự hòa hợp của chủ ngữ với động từ, trợ từ, đại từ quan hệ, danh động từ, động từ nguyên thể, so sánh.

- Từ vựng: Các nhóm động từ, danh từ theo những chủ điểm khác nhau: Giao tiếp, giao dịch, thể thao, giải trí, ăn uống.

- Kỹ năng: Các bài luyện tập nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề liên quan đến công việc, đời sống.

62. Tiếng Trung nâng cao 1

Nội dung các bài cung cấp cho sinh viên các từ vựng bài khóa liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hằng ngày như: học tập, thi cử, sở thích về âm nhạc, thời tiết... Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp: diễn tả sự hoàn thành của động tác, cấu trúc câu nguyên nhân kết quả “因为所以...”, câu bỏ ngữ xu hướng, câu so sánh hơn 比, hơn nhất “最”, so sánh bằng “有”, so sánh giống nhau “跟 一样”, diễn đạt hành động/động tác sắp xảy ra “要了”、“就要....了”、“快要....了”. Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện, củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài.

63. Tiếng Nhật nâng cao 1

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Chữ Kanji thường dùng.

- Ngữ pháp: Danh từ, động từ, tính từ ở các thể lịch sự và thể thông thường, các thể của động từ: Thể khả năng -dekiru, thể bắt buộc -naide, thể nguyên dạng, thể quá khứ -ta.

- Từ vựng: Chủ đề cơ thể và bệnh tật, sở thích, văn hóa truyền thống và giải trí

- Kỹ năng: Luyện tập nghe, nói, đọc, viết sử dụng các cấu trúc trong bài học biểu thị kinh nghiệm, trải nghiệm và mô tả được sự biến đổi, phát triển của sự vật, hiện tượng, mệnh lệnh phủ định, sự bắt buộc hoặc không cần thiết thực hiện hành động, câu thăm hỏi và đưa lời mời, mô tả khả năng, sở thích, hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi.

64. Tiếng Anh ngành Công nghệ dệt, may

Học phần Tiếng Anh ngành Công nghệ dệt, may cung cấp cho sinh viên những nội dung sau:

Ngữ pháp: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức ngữ pháp về thì, mệnh đề quan hệ, câu bị động, câu điều kiện, câu cầu khiến, lời nói trực tiếp, gián tiếp. Bên cạnh đó cung cấp cho sinh viên từ vựng chuyên ngành dệt, may theo các chủ đề bài học, từ vựng về thời trang, cấu tạo sợi. Sinh viên được luyện các kỹ năng nghe, nói và đọc và viết về các chủ điểm bài học. Kết cấu mỗi bài học gồm 4 phần, mỗi phần đều bao gồm 1 chủ đề về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp và phần luyện tập các kỹ năng nói, đọc, viết. Kết thúc mỗi bài đều có phần củng cố và ôn tập lại toàn bộ nội dung bài học đó.

65. Tiếng Trung nâng cao 2

Nội dung các bài cung cấp cho sinh viên các từ vựng bài khóa liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hàng ngày như: đi tham quan, du lịch, học tập, thể thao, chụp ảnh, miêu tả người... Kiến thức ngữ pháp được trình bày từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp: câu bỏ ngữ kết quả, trợ từ động thái “了”、“着”、“过”, bỏ ngữ động lượng, biểu đạt số thứ tự, cấu trúc “一 就.....”, “是 的”, tính từ lặp lại, vị ngữ chủ vị, câu bị động, lặp lại lượng từ, bỏ ngữ xu hướng kép, trợ từ động thái “着”. Các bài tập trong học phần được thiết kế tập trung rèn luyện, củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài.

66. Tiếng Nhật nâng cao 2

Học phần đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Chữ Kanji thường dùng.

- Ngữ pháp: Danh từ, động từ, tính từ ở các thể lịch sự và thể thông thường, các thể của động từ: Thể khả năng -dekiru, thể bắt buộc -naide, thể nguyên dạng, thể quá khứ -ta, cách nói trần thuật, nêu suy nghĩ, phán đoán, mệnh đề bỏ nghĩa cho danh từ.

- Từ vựng: Chủ đề cơ thể và bệnh tật, sở thích, văn hóa truyền thống và giải trí

- Kỹ năng: Luyện tập nghe, nói, đọc, viết sử dụng các cấu trúc trong bài học biểu thị kinh nghiệm, trải nghiệm và mô tả được sự biến đổi, phát triển của sự vật, hiện tượng, mệnh lệnh phủ định, sự bắt buộc hoặc không cần thiết thực hiện hành động, câu thăm hỏi và đưa lời mời, mô tả khả năng, sở thích, hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi.

67. Thiết kế - giác sơ đồ trên máy tính 2

Học phần Thiết kế - giác sơ đồ trên máy tính 2 cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng sử dụng phần mềm Accumark:

- Kiến thức về cài đặt, giới thiệu chung về phần mềm.

- Ý nghĩa và cách sử dụng các lệnh trong phần mềm.

- Kỹ năng thiết kế, nhảy mẫu, giác sơ đồ, số hóa, in các loại mẫu phục vụ sản xuất may công nghiệp.

68. Thiết kế trang phục trên mannequin

Nội dung học phần Thiết kế trang phục trên mannequin trình bày những điều kiện và nguyên tắc cần thiết để thực hiện được kỹ thuật thiết kế 3D trên trang phục. Người học được tiếp cận các kỹ thuật tạo mẫu trên mannequin một cách nhanh nhất, hiệu quả nhất qua các kiến thức và hệ thống bài tập về: tính chất và các quy định khi lựa chọn vải, phom mẫu, số đo và dụng cụ cần thiết khi thiết kế, các kỹ thuật phủ mẫu, nền tảng phủ đầm cơ bản, thao tác pen, cổ áo, thân áo và các kiểu đầm.

69. Thiết kế mẫu công nghiệp

Học phần Thiết kế mẫu công nghiệp trang bị cho sinh viên những kiến thức về phương pháp thiết kế bộ mẫu cơ bản; các nguyên tắc tạo mẫu chính bao gồm nguyên tắc chuyển đổi pen, tạo độ ôm và tạo độ thừa (phồng, dùm, xòe,...); phương pháp thiết kế một số kiểu tay áo, váy áo trên cơ sở bộ mẫu cơ bản.

70. Kỹ thuật điện

Học phần Kỹ thuật điện là môn cơ sở nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về mạch điện, dòng điện hình sin, các phương pháp phân tích mạch điện, mạch điện 3 pha đồng thời trang bị cho sinh viên những nội dung về công dụng, cấu tạo, nguyên lý làm việc của các máy điện và khí cụ điện.

6.2. Đề cương chi tiết học phần (có phụ lục kèm theo)

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
SAO ĐỎ



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên